

HỢP TÁC TRONG HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TẠI CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC - KINH NGHIỆM VÀ BÀI HỌC RÚT RA

✍ NGUYỄN KIM THANH *

Ngày nhận: 15/10/2023

Ngày phản biện: 22/11/2023

Ngày duyệt đăng: 01/12/2023

Tóm tắt: Trong bối cảnh hội nhập quốc tế toàn diện hiện nay, hoạt động hợp tác trong đào tạo và khoa học công nghệ mang tính tất yếu khách quan tại các cơ sở giáo dục đại học. Đặc biệt, các hoạt động hợp tác song phương và đa phương trên lĩnh vực khoa học công nghệ với nhiều hình thức đa dạng ngày càng được chú trọng và đẩy mạnh. Trong khuôn khổ bài viết, tác giả khái quát về hoạt động hợp tác trong hoạt động khoa học và công nghệ tại cơ sở giáo dục đại học, phân tích một số kinh nghiệm về hợp tác trong hoạt động khoa học và công nghệ tại các cơ sở giáo dục đại học để từ đó đối sánh và rút ra bài học cho các cơ sở giáo dục đại học.

Từ khóa: Hợp tác; khoa học và công nghệ; cơ sở giáo dục đại học; kinh nghiệm.

COOPERATION IN SCIENCE AND TECHNOLOGY AT HIGHER EDUCATION INSTITUTIONS - EXPERIENCES AND LESSONS LEARNED

Abstract: In the current context of comprehensive international integration, cooperation in training and science and technology is objectively inevitable at higher education institutions. In particular, bilateral and multilateral cooperation activities in the field of science and technology in many diverse forms are increasingly emphasized and promoted. Within the framework of the article, the author overviews cooperation activities in science and technology activities at higher education institutions, analyzes some experiences in cooperation in science and technology activities at higher education institutions from which to compare and get lessons learned.

Keywords: Cooperation; science and technology; higher education institutions; experience.

1. Khái quát về hợp tác trong khoa học và công nghệ tại các cơ sở giáo dục đại học

Phát triển khoa học và công nghệ là một trong những nhiệm vụ then chốt của Việt Nam trong tiến trình hội nhập quốc tế. Ngày 18/5/2011 Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 735/QĐ-TTg phê duyệt “Đề án hội nhập quốc tế về khoa học và công nghệ” với quan điểm “Đa dạng hóa, đa phương hóa hợp tác, đầu tư với nước ngoài trong lĩnh vực khoa học và công nghệ”. Điều này đã khẳng định vai trò quan trọng của hoạt động hợp tác trong khoa học và công nghệ, là điều kiện để Việt Nam có thể tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm của các nước tiên tiến, tranh thủ tối đa các cơ hội để nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, từ đó góp phần thúc đẩy sự phát triển toàn diện của đất nước. Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chính sách nhằm thúc đẩy hoạt động khoa học và công nghệ, trong đó trọng tâm là đẩy mạnh hoạt động khoa học và công nghệ trong các cơ sở giáo dục đại học. Ngày 4/11/2013, Ban Chấp hành Trung ương đã ban hành Nghị quyết số 29-NQ/TW về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội

nhập quốc tế” đã khẳng định trong mục tiêu đổi mới giáo dục đại học cần “Nâng cao chất lượng, hiệu quả nghiên cứu và ứng dụng khoa học, công nghệ” với trọng tâm là đẩy mạnh hợp tác trong khoa học và công nghệ. Hoạt động khoa học và công nghệ trong các cơ sở giáo dục đại học được quy định rõ tại Điều 2 Nghị định số 109/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ Quy định về hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học, cụ thể “Hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học là hoạt động nghiên cứu khoa học, nghiên cứu và triển khai thực nghiệm, ứng dụng công nghệ, dịch vụ khoa học và công nghệ, phát huy sáng kiến và các hoạt động sáng tạo khác nhằm phát triển khoa học và công nghệ gắn kết với đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của đất nước”. Và tại Nghị định này, Chính phủ quy định rõ một nội dung của hoạt động khoa học và công nghệ là “Hợp tác khoa học và công nghệ trong nước và quốc tế”. Thông qua Nghị định, Chính phủ cũng nhấn mạnh sự cần thiết của hoạt động hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ, cụ thể:

* Trường Đại học Công đoàn

- Khuyến khích cơ sở giáo dục đại học đẩy mạnh hợp tác với tổ chức, cá nhân nước ngoài về khoa học và công nghệ phù hợp với các hiệp định hợp tác về khoa học và công nghệ giữa Chính phủ Việt Nam với Chính phủ nước ngoài, hoặc thỏa thuận hợp tác giữa cơ sở giáo dục đại học với tổ chức, cá nhân nước ngoài phù hợp với quy định của pháp luật.

- Cơ sở giáo dục đại học lựa chọn đối tác nước ngoài có uy tín và kinh nghiệm để hợp tác nghiên cứu, thực hiện các hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, tự chịu trách nhiệm về nội dung và phạm vi hợp tác, bảo đảm về an ninh chính trị và bí mật quốc gia; mời hoặc thuê chuyên gia nước ngoài tham gia nghiên cứu và đào tạo trình độ cao; hỗ trợ một phần học bổng cho giảng viên và người học, bồi dưỡng, trao đổi học thuật ở nước ngoài, hoặc hỗ trợ thù lao cho chuyên gia nước ngoài từ quỹ phát triển khoa học và công nghệ của cơ sở giáo dục đại học.

- Cơ sở giáo dục đại học được hợp tác xây dựng phòng thí nghiệm giữa cơ sở giáo dục với đối tác nước ngoài gắn với việc thực hiện các chương trình, dự án hợp tác quốc tế về nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ theo quy định.

- Cơ sở giáo dục đại học đẩy mạnh hợp tác quốc tế về công bố khoa học trên các tạp chí khoa học có uy tín; thúc đẩy nâng cao chất lượng tạp chí khoa học của cơ sở giáo dục đại học đạt tiêu chuẩn khu vực và thế giới; chủ trì hoặc tham gia tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế trong một số lĩnh vực có thế mạnh và mời nhà khoa học nước ngoài cùng chủ trì; tổ chức mạng lưới phân biện quốc tế chuyên nghiệp và có uy tín, xuất bản kỷ yếu và ấn phẩm khoa học khác theo tiêu chuẩn quốc tế.

- Cơ sở giáo dục đại học được mời chuyên gia và ký kết hợp đồng với nhà khoa học có uy tín, nghiên cứu sinh nước ngoài đến hợp tác, làm việc và thực hiện các hoạt động nghiên cứu khoa học và đào tạo tiến sĩ tại đơn vị; cử cán bộ, giảng viên, nghiên cứu sinh, thành viên nhóm nghiên cứu mạnh ra nước ngoài học tập và nghiên cứu.

- Cơ sở giáo dục đại học được sử dụng kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ để ký kết hợp đồng chuyên môn với chuyên gia là người nước ngoài; được nhận tài trợ bằng tiền hoặc trang thiết bị từ đối tác nước ngoài cho hoạt động khoa học và công nghệ và sử dụng theo thỏa thuận với đối tác theo quy định.

- Cơ sở giáo dục đại học tạo điều kiện và cùng cán bộ, giảng viên ký kết hợp đồng chuyên môn, tham gia nhóm nghiên cứu của tổ chức khoa học và công nghệ nước ngoài; chịu trách nhiệm về việc cử, quản lý cán bộ, giảng viên tham gia các hoạt động hợp tác, nghiên cứu với nước ngoài theo quy định.

Có thể thấy rằng hiện nay cơ chế đẩy mạnh hợp

tác khoa học và công nghệ đang tạo đà cho các cơ sở giáo dục đại học gặt hái thành tựu khoa học và công nghệ. Các cơ sở giáo dục đại học trong nước đã không ngừng nỗ lực thực hiện đổi mới và đẩy mạnh hợp tác khoa học công nghệ trên phạm vi quốc gia và quốc tế. Trong Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết 29 được công bố tại Hội thảo khoa học do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức ngày 11/10/2023 đã thể hiện tiềm lực khoa học công nghệ của các cơ sở giáo dục đại học tăng cao nhờ hoạt động hợp tác trong nước và quốc tế. Tính đến năm 2021, cả nước đã hình thành được 47 cơ sở ương tạo công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ cao và cơ sở ương tạo khác, 43 vườn ươm, trung tâm, câu lạc bộ hỗ trợ khởi nghiệp, 636 doanh nghiệp khoa học, công nghệ được thành lập trong các cơ sở giáo dục đại học trên cả nước. Hoạt động hợp tác trong các cơ sở giáo dục đại học đã mang lại thành tích nổi bật cho khoa học và công nghệ Việt Nam, cụ thể năm 2021, các cơ sở giáo dục đại học chiếm tới 95,78% số lượng công bố quốc tế trên Scopus, tương ứng với 17.625 công bố, góp phần đưa xếp hạng của Việt Nam đứng thứ 5 trong khu vực ASEAN, đứng thứ 12 Châu Á và thứ 45 trên thế giới về số lượng công bố quốc tế trên Scopus. Năm 2022 trong số 10 tổ chức có số lượng công bố trên Scopus cao nhất Việt Nam thì có tới 9 cơ sở giáo dục đại học. Thực tế cho thấy, hợp tác trong khoa học và công nghệ tại các cơ sở giáo dục đại học là hoạt động mang tính chiến lược trong phát triển khoa học công nghệ quốc gia[3].

2. Kinh nghiệm hợp tác trong hoạt động khoa học và công nghệ và bài học rút ra

2.1. Kinh nghiệm quốc tế về hợp tác trong hoạt động khoa học và công nghệ

Hoạt động hợp tác quốc tế là vấn đề được quan tâm và chú trọng bởi lãnh đạo của tất cả các cơ sở giáo dục đại học trên toàn thế giới. Trong bài báo "Hợp tác quốc tế giữa các cơ sở giáo dục đại học: Xu hướng và triển vọng" tác giả Kiselova nghiên cứu tại các cơ sở giáo dục đại học ở Đức, Cộng hòa Séc và Thụy Điển và thu thập thông tin từ Ủy ban Châu Âu, Trung tâm Đại học Châu Âu, Hiệp hội Đại học Châu Âu và đã chỉ ra rằng các nội dung hợp tác giữa các cơ sở giáo dục đại học bao gồm:

1) Trao đổi thể chế trong khuôn khổ thu hút các nhà giáo dục và nhân viên của các cơ sở giáo dục đại học đến tham gia vào các hoạt động giảng dạy, nghiên cứu hoặc thực hiện hoạt động mang tính chất nghề nghiệp;

2) Trao đổi người học, để người học trải nghiệm chương trình đào tạo ở các cơ sở giáo dục đào tạo khác nhau;

3) Tổ chức các hội thảo khoa học, hội nghị, hội nghị chuyên đề, diễn đàn về đào tạo và khoa học công nghệ v.v.;

4) Trao đổi thông tin về triển vọng phát triển quá trình giáo dục, sự tiến bộ của học sinh cũng như cá nhân, nghiên cứu được thực hiện tại cơ sở giáo dục đại học;

5) Đảm bảo các điều kiện phù hợp cho hợp tác học thuật giữa các nhà khoa học, giảng viên và người học giữa các cơ sở giáo dục đại học;

6) Lập kế hoạch và điều phối mọi hoạt động liên quan đến sự hợp tác giữa các đối tác - giáo dục đại học và các tổ chức được dự kiến;

7) Cung cấp thông tin sẵn có liên quan đến hoạt động của cơ sở giáo dục đại học, trong đó đặc biệt về các lĩnh vực nghiên cứu, tài nguyên giáo dục, kho thư viện;

8) Tổ chức các cuộc họp định kỳ của đại diện các cơ sở giáo dục đại học trong khuôn khổ hợp tác.

Như vậy, có thể thấy rằng các cơ sở giáo dục đại học tại Đức, Cộng hòa Séc và Thụy Điển luôn gắn hoạt động hợp tác trong khoa học và công nghệ với hợp tác trong đào tạo. Hoạt động hợp tác trong khoa học và công nghệ được thực hiện với hình thức: Liên kết tổ chức các hội thảo, hội nghị, diễn đàn khoa học; Đảm bảo các điều kiện để nhà khoa học, giảng viên và người học tham gia hoạt động khoa học và công nghệ; Liên kết để cung cấp nguồn thông tin phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học. Đây là những kinh nghiệm quý cho các cơ sở giáo dục đại học tại Việt Nam về hợp tác quốc tế trong lĩnh vực khoa học và công nghệ.

Bên cạnh hoạt động hợp tác giữa các cơ sở giáo dục đại học, các trường đại học có thể hợp tác với các doanh nghiệp nhằm đẩy mạnh hoạt động khoa học và công nghệ. Chúng ta có thể nghiên cứu kinh nghiệm của nước láng giềng Trung Quốc về hoạt động đẩy mạnh hợp tác giữa doanh nghiệp và các cơ sở giáo dục đại học. Tại Trung Quốc có 5 mô hình hợp tác giữa doanh nghiệp và các cơ sở giáo dục đại học trên lĩnh vực khoa học và công nghệ. Cụ thể:

(1) MÔ HÌNH I: SME (Small and Medium Enterprises: Doanh nghiệp vừa và nhỏ) mua thành tựu R&D (Research and development: Nghiên cứu và phát triển) trực tiếp từ các cơ sở giáo dục đại học;

(2) MÔ HÌNH II: Các doanh nghiệp vừa và nhỏ phát triển thành tựu R&D trong hợp tác với các cơ sở giáo dục đại học;

(3) MÔ HÌNH III: SME ủy thác nhiệm vụ R&D cho cơ sở giáo dục;

(4) MÔ HÌNH IV: SME thành lập tổ chức R&D với các cơ sở giáo dục đại học;

(5) MÔ HÌNH V: SME tuyển dụng nhân sự công nghệ từ các cơ sở giáo dục đại học.

Trong quá trình hợp tác, các mô hình hợp tác khác nhau dẫn đến hiệu quả kinh tế khác nhau hoạt động của các doanh nghiệp vừa và nhỏ, tức là các doanh nghiệp tư nhân vừa và nhỏ lựa chọn các mô

hình cộng tác khác nhau sẽ có những ảnh hưởng khác nhau đến hiệu quả kinh tế của doanh nghiệp. Trong khi đó, Mô hình hợp tác II & V có tác động tích cực hơn đến hiệu quả kinh tế của các doanh nghiệp vừa và nhỏ tư nhân hơn ba mô hình còn lại.

Bên cạnh các yếu tố tích cực tác động tới hoạt động hợp tác giữa doanh nghiệp và các cơ sở giáo dục đại học thì còn tồn tại các rào cản, bao gồm các rào cản từ phía doanh nghiệp và rào cản từ phía các cơ sở giáo dục đại học. Các rào cản từ phía doanh nghiệp bao gồm:

(1) Yếu tố rào cản SME I: Thiếu cơ chế quản lý hiệu quả kênh truyền thông về thành tựu R&D của những tổ chức giáo dục cấp cao;

(2) Yếu tố rào cản SME II: Cơ chế chi phí chuyển giao không hợp lý cho thành tựu R&D của giáo dục đại học;

(3) Yếu tố rào cản SME III: Công nghệ sản xuất chưa hoàn thiện để ứng dụng kết quả R&D của các cơ sở giáo dục đại học;

(4) Yếu tố rào cản SME IV: Khó khăn trong việc thương mại hóa các thành tựu R&D của cơ sở giáo dục;

(5) Yếu tố rào cản V của SME: Quyền sở hữu không rõ ràng của thành tựu R&D;

(6) Yếu tố rào cản SME VI: Không vượt trội so với thành tựu R&D tương tự ở các nước khác;

(7) Yếu tố rào cản SME VII: Sự bất ổn của thị trường và chưa có quan điểm thống nhất về thành tựu R&D;

(8) Yếu tố rào cản SME VIII: Quy trình giám sát và đảm bảo giá trị thị trường của thành tựu R&D chưa hiệu quả.

Các rào cản về phía cơ sở giáo dục đại học (HEI: higher education institution):

(1) Yếu tố rào cản HEI I: Thiếu kênh truyền thông hiệu quả tới các doanh nghiệp vừa và nhỏ;

(2) Yếu tố rào cản HEI II: Cơ chế chi phí chuyển giao không hợp lý về thành tựu R&D của giáo dục đại học;

(3) Yếu tố rào cản HEI III: Quyền sở hữu không rõ ràng của thành tựu R&D;

(4) Yếu tố rào cản HEI IV: Thiếu sự bảo vệ và đảm bảo cho thành tựu R&D;

(5) Yếu tố rào cản HEI V: Thiếu công khai hiệu quả cho doanh nghiệp;

(6) Yếu tố rào cản HEI VI: Thiếu hiểu biết về doanh nghiệp;

(7) Yếu tố rào cản HEI VII: Khả năng thương mại hóa thành tựu R&D chưa cao.

Trong số tất cả các rào cản đối với sự hợp tác giữa các cơ sở giáo dục đại học và các doanh nghiệp vừa và nhỏ tư nhân, “Thiếu kênh truyền thông hiệu quả” và “Cơ chế chi phí chuyển giao không hợp lý” được xác định là yếu tố quan trọng tác động lớn tới hoạt

động hợp tác trong khoa học và công nghệ giữa doanh nghiệp và cơ sở giáo dục đại học. Điều này cho thấy có sự nghiêm trọng vấn đề trong các kênh thông tin giữa cơ sở giáo dục và doanh nghiệp. Điều đó cho thấy cần thiết thiết lập và phát triển một kênh liên lạc hiệu quả giữa các đối tác hợp tác. Sự hợp tác thành công không chỉ phụ thuộc vào sức mạnh năng lực nghiên cứu mà còn cần có sự trao đổi thông tin hiệu quả giữa doanh nghiệp và cơ sở giáo dục đại học, điều này là yếu tố quyết định đến việc chuyển giao thành công thành tựu hoạt động khoa học và công nghệ giữa doanh nghiệp và cơ sở giáo dục đại học. Theo quan điểm của cả hai phía, doanh nghiệp và cơ sở giáo dục đại học, các cơ chế cần được cải thiện khẩn cấp là cơ chế phối hợp, cơ chế truyền tải và cơ chế bảo lãnh. Đối với sự hợp tác giữa các trường đại học và doanh nghiệp, cơ chế của nền tảng cộng tác có tính chất quyết định đến toàn bộ quá trình và sự thành công của sự hợp tác. Cơ chế hợp tác này đồng thời cải thiện chi phí chuyển giao thành tựu khoa học và công nghệ từ các trường đại học nói riêng và các cơ sở giáo dục đại học nói chung cho doanh nghiệp.

Như vậy, nhìn từ kinh nghiệm quốc tế có thể thấy các cơ sở giáo dục đại học có thể hợp tác chặt chẽ với các cơ sở giáo dục đại học và các doanh nghiệp trong lĩnh vực khoa học và công nghệ. Với các cơ sở giáo dục, hoạt động hợp tác chủ yếu diễn ra ở các hoạt động liên kết nghiên cứu, trao đổi học thuật, trao đổi kinh nghiệm và trao đổi học viên, nghiên cứu viên. Với doanh nghiệp, hoạt động hợp tác được chú trọng trên phương diện chuyển giao và ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ. Có nhiều hình thức chuyển giao khác nhau phù hợp với đặc thù của từng cơ sở giáo dục đại học và doanh nghiệp. Các doanh nghiệp và cơ sở giáo dục đại học cần hoàn thiện cơ chế hợp tác đồng thời đẩy mạnh hoạt động truyền thông nhằm nâng cao hiệu quả của hoạt động hợp tác trên lĩnh vực khoa học và công nghệ.

2.2. Kinh nghiệm hợp tác trong nước về hoạt động khoa học và công nghệ

Trong hệ thống giáo dục đại học quốc gia, có thể nói Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN) là lá cờ đầu trong giáo dục và khoa học công nghệ. Năm 2023, theo bảng xếp hạng ảnh hưởng của Times Higher Education (THE Impact), Đại học Quốc gia Hà Nội có tên trong danh sách 70 cơ sở giáo dục hàng đầu thế giới về giáo dục có chất lượng trong đó có thành tích ấn tượng là sở hữu hơn 1600 bài báo quốc tế. Đại học Quốc gia Hà Nội có 09 phòng thí nghiệm/trung tâm nghiên cứu trọng điểm cấp ĐHQGHN giai đoạn 2023-2028, 30 nhóm nghiên cứu mạnh cấp ĐHQGHN. Để đạt được thành tích đáng ngưỡng mộ đó, ĐHQGHN đã ban hành chính sách quản lý hoạt động

KH&CN, tạo hành lang pháp lý và phát triển sản phẩm KH&CN như: Quy định về quản lý tài sản trí tuệ ở ĐHQGHN; Hướng dẫn về phát triển và ưu đãi nhóm nghiên cứu mạnh; Chính sách hỗ trợ công bố quốc tế; Quy định về công nhận, quản lý và phát triển phòng thí nghiệm/trung tâm nghiên cứu trọng điểm cấp ĐHQGHN; Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của ĐHQGHN, giai đoạn 2021-2030. Với mục tiêu phát triển ĐHQGHN trở thành đại học thông minh, đổi mới sáng tạo, các chính sách về khoa học và công nghệ đã nhấn mạnh nội dung đẩy mạnh hợp tác trong khoa học và công nghệ. ĐHQGHN đã liên kết với nhiều trường đại học uy tín, trong đó có Đại học RMIT để thực hiện các dự án đổi mới sáng tạo. Hằng năm, ĐHQGHN phối hợp cùng các trường đại học tại Mỹ, Anh, Úc, Singapore... tổ chức các hội thảo khoa học quốc tế và kỷ yếu hội thảo được xuất bản bởi các nhà xuất bản uy tín thế giới như Springer và Emerald. ĐHQGHN đồng thời đẩy mạnh hoạt động phát triển các nhóm nghiên cứu mạnh, nhóm nghiên cứu tiềm năng bằng cách thu hút các nhà khoa học ngoài trường tham gia các nhóm nghiên cứu với cơ chế hỗ trợ hợp lý. Bên cạnh hợp tác với các trường đại học, ĐHQGHN đã hợp tác với các doanh nghiệp nhằm đẩy mạnh hoạt động khoa học và công nghệ. Cụ thể, Trung tâm Chuyển giao tri thức và Hỗ trợ khởi nghiệp ĐHQGHN đã ký kết thỏa thuận hợp tác với Tập đoàn Hồ Gươm, Quỹ Phan Anh, Công ty Cổ phần công nghệ đa nền tảng VICO trong việc thực hiện các dự án chuyển giao và ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học công nghệ. Có thể thấy ĐHQGHN đã tiếp thu kinh nghiệm quốc tế và thực hiện toàn diện hoạt động hợp tác toàn diện trên lĩnh vực khoa học và công nghệ. ĐHQGHN đã tiên phong thực hiện các hoạt động hợp tác khoa học công nghệ và các hoạt động hợp tác đã thực sự mang lại hiệu quả, góp phần phát triển ĐHQGHN trở thành đại học thông minh, đổi mới sáng tạo.

Trường Đại học Lao động - Xã hội cũng là cơ sở giáo dục đại học đạt nhiều thành tựu trong hợp tác khoa học công nghệ. Hoạt động hợp tác tại Trường Đại học Lao động - Xã hội diễn ra dưới các hình thức: trao đổi sinh viên, hợp tác nghiên cứu thông qua các hợp đồng tài trợ nghiên cứu, nghiên cứu chung và thực hiện một phần nhiệm vụ nghiên cứu của các đề tài quốc tế. Nhà trường có các đợt tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn cho giảng viên do đối tác ngoài trường tài trợ, bên cạnh đó có các đợt tham quan học tập nước ngoài và trao đổi sinh viên với các trường đại học ngoài nước. Với đặc thù là một trường thuộc lĩnh vực khoa học xã hội, việc chuyển giao kết quả nghiên cứu của Trường Đại học Lao động - Xã hội cho các doanh nghiệp, cơ sở ngoài trường chưa có quy trình công nghệ mà thực hiện các đơn đặt hàng với đầu việc cụ thể như: Tổ chức

định mức lao động, thiết kế thang bảng lương cho doanh nghiệp; Thực hiện tư vấn pháp luật bảo hiểm xã hội, quản lý thu bảo hiểm xã hội; Giải quyết những xung đột về mặt xã hội, môi trường của một cộng đồng dân cư (phát triển cộng đồng); Tham vấn, công tác xã hội cá nhân và gia đình; Tư vấn phương pháp hỗ trợ cải tạo, giáo dục đối với người mắc tệ nạn xã hội đang giam giữ; Hỗ trợ trị liệu tâm lý trong làm việc với người khuyết tật, người tâm thần, trẻ mồ côi, người cao tuổi cô đơn; Cung cấp phương tiện giả cho người khuyết tật; Tư vấn luật trong tranh chấp lao động, hỗ trợ thủ tục pháp lý khi thành lập, giải thể doanh nghiệp. Trường Đại học Lao động - Xã hội đã và đang tăng cường hoạt động hợp tác trên lĩnh vực khoa học và công nghệ, trong đó hoạt động liên kết thực hiện hoạt động khoa học trong lĩnh vực nghiên cứu đã trở thành hoạt động thường niên; bên cạnh đó hoạt động chuyển giao kết quả nghiên cứu đang ngày càng gặt hái nhiều kết quả trên các lĩnh vực chuyên môn thế mạnh của Nhà trường.

3. Kết luận

Việc đẩy mạnh hoạt động hợp tác trong khoa học và công nghệ là nhiệm vụ then chốt trong quá trình phát triển và hội nhập của các cơ sở giáo dục đại học. Các cơ sở giáo dục đại học được Nhà nước hỗ trợ, tạo điều kiện bằng hệ thống chính sách và hành lang pháp lý giúp khắc phục các rào cản hành chính, tổ chức, làm cản trở hoạt động nghiên cứu và chuyển giao khoa học và công nghệ.

Trên cơ sở thực hiện nghị định, chính sách của Nhà nước và tiếp thu, chắt lọc kinh nghiệm quốc tế và trong nước có thể rút ra một số bài học cho các cơ sở giáo dục đại học như sau:

- Hoàn thiện quy trình hợp tác, hoàn thiện quy định về hoạt động hợp tác quốc tế và trong nước về hoạt động khoa học và công nghệ;

- Ban hành các văn bản quy phạm nội bộ quy định về hoạt động hợp tác trong khoa học;

- Đẩy mạnh hoạt động hợp tác với các cơ sở giáo dục đại học trong nước và quốc tế trong các hoạt động nghiên cứu khoa học, thành lập các nhóm nghiên cứu mạnh, nhóm nghiên cứu mũi nhọn, tổ chức hội thảo khoa học quốc tế trong đó xuất bản kỷ yếu thông qua các nhà xuất bản uy tín trong nước và quốc tế, đẩy mạnh hoạt động trao đổi người học và giảng viên nhằm tăng cường năng lực nghiên cứu cho nguồn nhân lực Nhà trường;

- Mở rộng hoạt động hợp tác với doanh nghiệp, tiến tới chuyển giao công nghệ, chuyển giao và ứng dụng kết quả nghiên cứu;

- Hoàn thiện hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, liên kết với các đối tác xã hội quốc gia và quốc tế nhằm tăng cường hoạt động khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo trong Nhà trường;

- Thực hiện tốt công tác bảo hộ sở hữu trí tuệ với kết quả nghiên cứu khoa học;

- Chuyên nghiệp hóa hoạt động truyền thông trong hoạt động khoa học công nghệ nói chung và hợp tác trong hoạt động học và công nghệ nói riêng.

- Xây dựng cơ chế hỗ trợ, nhận tài trợ, cơ chế tài chính trong chuyển giao công nghệ và cơ chế sử dụng quỹ khoa học và công nghệ hợp lý nhằm thúc đẩy hoạt động hợp tác hiệu quả.

Nhu cầu liên kết giữa trường đại học với viện nghiên cứu, doanh nghiệp là rất cao và là xu thế tất yếu trong bối cảnh hội nhập hiện nay. Các cơ sở giáo dục đại học cần nghiên cứu xác định cụ thể mục tiêu, nguồn lực cũng như các rào cản để xây dựng chiến lược hợp tác hiệu quả, quảng bá sản phẩm, phát triển thị trường công nghệ và xây dựng các cơ cấu nghiên cứu trực thuộc, hướng tới đại học định hướng nghiên cứu từ đó nâng cao thành tích và xếp hạng khoa học công nghệ của Nhà trường, từ đó phát triển toàn diện, khẳng định thương hiệu và uy tín cho Nhà trường. □

Tài liệu tham khảo

1. Báo cáo tại Hội nghị Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thường niên năm 2023 của Đại học Quốc gia Hà Nội.
2. Báo cáo tổng kết hoạt động khoa học và công nghệ của Trường Đại học Lao động Xã hội.
3. Báo cáo kết quả 10 năm thực hiện Nghị quyết 29 năm 2023, Bộ Giáo dục và Đào tạo.
4. Bảng xếp hạng cơ sở giáo dục đại học uy tín hàng đầu thế giới 2023 của tạp chí toàn cầu về giáo dục đại học Times Higher Education.
5. Bruneel, J., Este, P. D., & Salter, A. (2010), Investigating the Factors that Diminish the Barriers to University-Industry Collaboration. *Research Policy*, 39(7), 858-868.
6. Đề án hội nhập quốc tế về khoa học và công nghệ đến năm 2020 ban hành kèm Quyết định số 735/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ ngày 18/5/2011.
7. Kiselova (2020), *International Cooperation among Tertiary Educational Institutions: Trends and Prospects*, *International Journal of Higher Education*, v9 n7 p356-366 2020.
8. Feiyu Chen (2013), S&T Collaboration Platform for Higher Education Institutions and Industry: a Case Study of Wenzhou, China, *Inzinerine Ekonomika-Engineering Economics*.
9. Nghị quyết 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 của Ban chấp hành Trung ương.
10. Nghị định số 109/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ Quy định về hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học.
11. Phạm Hồng Trang (2017), Trường Đại học Lao động - Xã hội, Liên kết giữa trường đại học với viện nghiên cứu và doanh nghiệp trong hoạt động khoa học và công nghệ, *JSTPM*, tập 6, số 1, 2017.
12. Sungjoo, L., & Gwangman, P. (2010), Open Innovation in SMEs---An Intermediated Network Model. *Research Policy*, 39(2), 290-300.
13. <http://ldxh.edu.vn/hop-tac.html>